TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 02 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;

2. Bà Võ Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2020 về việc "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Số 00, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lưu Hoàng T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số 00, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T trình bày:*

Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2013, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết tìm hiểu khoảng 01 tháng. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Sau khi kết hôn Chị Nguyễn Thị T và Anh T1 chung sống hạnh phúc được

khoảng vài tháng. Chị Nguyễn Thị T và Anh T1 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 cho đến nay, do Anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên sử dụng bạo lực đánh đập Chị Nguyễn Thị T (có 01 lần Anh T1 đánh Chị Nguyễn Thị T sảy thai), chơi bời thiếu nợ bên ngoài, thường xuyên lấy tiền của gia đình để ăn chơi, không lo cho vợ con.

Chị Nguyễn Thị T, Anh T1 và gia đình Anh T1 cũng có hàn gắn cho Chị Nguyễn Thị T và Anh T1 nhiều lần nhưng không được. Do Anh T1 tính tình không thay đổi. Chị Nguyễn Thị T và Anh T1 ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Hiện nay, Chị Nguyễn Thị T không còn tình cảm vợ chồng với Anh T1, không muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ.

Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 có hai con chung tên Lưu Hoàng Tuấn T3, sinh ngày 07/11/2013 và Lưu Hoàng Tú T4, sinh ngày 27/12/2016.

Cháu T3 sống với Anh T1 đến nay được khoảng 02 năm. Hiện nay, cháu T3 đang sống với Anh T1 tại địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Cháu T4 sống với Chị Nguyễn Thị T từ năm 2017 cho đến nay.

Hiện nay Chị Nguyễn Thị T làm công nhân may, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng.

Nay Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu ly hôn với Anh Lưu Hoàng T1.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu Lưu Hoàng Tú T4, sinh ngày 27/12/2016 đến khi cháu T4 thành niên; yêu cầu Anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung, với mức cấp dưỡng hàng tháng là ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm cấp dưỡng. Chị Nguyễn Thị T thống nhất giao cháu Lưu Hoàng Tuấn T3, sinh ngày 07/11/2013 cho Anh T1 được nuôi dưỡng đến khi cháu T3 thành niên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Anh Lưu Hoàng T1 trình bày:*

Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2013, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Trước khi kết hôn anh chị có quen biết tìm hiểu khoảng 01 tháng. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Sau khi kết hôn, Chị Nguyễn Thị T và Anh T1 chung sống hạnh phúc được 02 năm, thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Anh T1 thừa nhận trong thời gian anh và Chị Nguyễn Thị T chung sống với nhau Anh T1 thường xuyên đánh Chị Nguyễn Thị T, có 01 lần đánh Chị Nguyễn Thị T sảy thai, do Chị Nguyễn Thị T lấy tiền của vợ chồng cho gia đình Chị Nguyễn Thị T, nói bên ngoài anh không lo cho vợ con. Từ đó, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2020, Chị Nguyễn Thị T bỏ theo người đàn ông khác.

Hiện nay Anh T1 không còn tình cảm với Chị Nguyễn Thị T, không muốn hàn gắn, đoàn tụ, chung sống với Chị Nguyễn Thị T.

Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 có hai con chung tên Lưu Hoàng Tuấn T3, sinh ngày 07/11/2013 và Lưu Hoàng Tú T4, sinh ngày 27/12/2016.

Hiện nay cháu Lưu Hoàng Tuấn T3 đang sống với Anh T1 tại địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, cháu học lớp 2, tại trường tiểu học 2.

Cháu T4 sống với Chị Nguyễn Thị T từ năm 2017 cho đến nay, tại địa chỉ nào Anh T1 không rõ.

Hiện nay Anh T1 làm bảo vệ thu nhập khoảng 8.700.000 đồng/tháng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị T, Anh Lưu Hoàng T1 có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Anh Lưu Hoàng T1 không đồng ý ly hôn với Chị Nguyễn Thị T. Do trong năm 2020, Anh T1 còn chung sống với Chị Nguyễn Thị T, Chị Nguyễn Thị T bỏ đi không đóng tiền nhà trọ, Anh T1 phải trả thay, sau đó mới biết Chị Nguyễn Thị T chung sống với người khác, Anh T1 không có lỗi trong việc anh chị ly hôn.

- Về con chung: Anh Lưu Hoàng T1 yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lưu Hoàng Tuấn T3, sinh ngày 07/11/2013 và Lưu Hoàng Tú T4, sinh ngày 27/12/2016 đến khi 02 cháu thành niên. Anh Lưu Hoàng T1 không yêu cầu Chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Anh Lưu Hoàng T1 không thống nhất giao cháu Lưu Hoàng Tú T4, sinh ngày 27/12/2016 cho Chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng; ngoài ra, Anh T1 không thống nhất cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của Chị Nguyễn Thị T như nêu trên.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị T: Cho Chị Nguyễn Thị T ly hôn với Anh Lưu Hoàng T1. Về con chung: Giao cháu Lưu Hoàng Tuấn T3, sinh ngày 07/11/2013 cho Anh T1 được tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Lưu Hoàng Tú T4, sinh ngày 27/12/2016 cho Chị Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng, Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con, do Anh T1 không yêu cầu, Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 03/4/2020 của Chị Nguyễn Thị T (bản chính).

- Giấy chứng nhận kết hôn giữa Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 (bản sao).

- Giấy khai sinh của Lưu Hoàng Tuấn T3, sinh ngày 07/11/2013 và Lưu Hoàng Tú T4, sinh ngày 27/12/2016 (bản photo có đối chiếu bản chính).

- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Chị Nguyễn Thị T (bản sao).

- Văn bản v/v trình bày những ý kiến để Tòa án giải quyết việc ly hôn ngày 16/12/2020, Giấy xác nhận ngày 10/12/2020, đơn khiếu nại ngày 30/12/2020, đơn xin xác nhận ngày 04/01/2021 của Anh Lưu Hoàng T1 (bản chính).

- Đơn xác nhận của Trường mầm non Búp măng non, giấy chứng minh nhân dân của Anh Lưu Hoàng T1 (bản photo).

- Biên bản ghi nguyện vọng của cháu Lưu Hoàng Tuấn T3, Biên bản lấy lời khai của đương sự (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lưu Hoàng T1 cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 12/4/2013, tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Việc anh chị kết hôn là tự nguyện không ai cưỡng ép, hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Nguyễn Thị T xác định: Trong thời gian chị và Anh T1 chung sống với nhau thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 cho đến nay, do Anh T1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, thường xuyên sử dụng bạo lực đánh đập Chị Nguyễn Thị T (có 01 lần Anh T1 đánh Chị Nguyễn Thị T sảy thai), chơi bời thiếu nợ bên ngoài, thường xuyên lấy tiền của gia đình để ăn chơi, không lo cho vợ con. Còn Anh T1 xác định Chị Nguyễn Thị T và Anh T1 chung sống hạnh phúc được 02 năm, thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, thường

xuyên đánh Chị Nguyễn Thị T (có 01 lần đánh Chị Nguyễn Thị T sảy thai), do Chị Nguyễn Thị T lấy tiền của vợ chồng cho gia đình Chị Nguyễn Thị T, nói bên ngoài anh không lo cho vợ con, đến năm 2020, Chị Nguyễn Thị T bỏ theo người đàn ông khác. Chị Nguyễn Thị T và Anh T1 đều xác định hiện nay anh chị không còn tình cảm vợ chồng với nhau.

Điều này chứng minh, hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị T đối với Anh Lưu Hoàng T1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Xét thấy, Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 có hai con chung tên Lưu Hoàng Tuấn T3, sinh ngày 07/11/2013 và Lưu Hoàng Tú T4, sinh ngày 27/12/2016.

Cháu T3 sống với Anh T1 đến nay được khoảng 02 năm. Hiện nay cháu T3 đang sống với Anh T1 tại địa chỉ: Ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp, đang học lớp 2 tại trường Tiểu học 2. Cháu T3 có nguyện vọng được sống với Anh T1. Tại phiên tòa, Chị Nguyễn Thị T thống nhất giao cháu T3 cho Anh T1 được quyền nuôi dưỡng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Anh T1 không thống nhất giao cháu T4 cho Chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng, nhưng cháu T4 sống với Chị Nguyễn Thị T từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, cháu T4 còn nhỏ cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ.

Nên để đảm bảo cho 02 cháu được phát triển bình thường và ổn định nên chấp nhận một phần yêu cầu của Chị Nguyễn Thị T và Anh T1; tiếp tục giao cháu T3 cho Anh T1 được quyền nuôi dưỡng, giao cháu T4 cho Chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Xét yêu cầu cấp dưỡng của Chị Nguyễn Thị T đối với Anh Lưu Hoàng T1 là yêu cầu cấp dưỡng cho cháu Lưu Hoàng Tú T4, sinh ngày 27/12/2016 theo mức cấp dưỡng hàng tháng là ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm cấp dưỡng là phù hợp quy định pháp luật, nhu cầu thiết yếu của cháu T4 và thu nhập của Anh T1, nên chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng của Chị Nguyễn Thị T đối với Anh T1.

Do Anh T1 không yêu cầu Chị Nguyễn Thị T cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Lưu Hoàng Tuấn T3, sinh ngày 07/11/2013, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 xác định anh chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Anh Lưu Hoàng T1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với Anh Lưu Hoàng T1.

- Về con chung:

Giao cháu Lưu Hoàng Tú T4, sinh ngày 27/12/2016 cho Chị Nguyễn Thị T được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu T4 thành niên.

Anh Lưu Hoàng T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T4 theo mức cấp dưỡng hàng tháng là ½ mức lương cơ sở do Nhà nước quy định vào từng thời điểm cấp dưỡng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án (ngày 22/02/2021).

Giao cháu Lưu Hoàng Tuấn T3, sinh ngày 07/11/2013 cho Anh Lưu Hoàng T1 được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu T3 thành niên.

Chị Nguyễn Thị T không phải cấp dưỡng cho cháu T3, do Anh Lưu Hoàng T1 không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị T và Anh Lưu Hoàng T1 có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thăm nom con chung, mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0006867 ngày 17/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Lưu Hoàng T1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 2;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Trần Thị Bạch Phiến